

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-PT
Ngày: 20-01-2021
V/v: Tranh chấp ranh giới
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương
Ông Lại Văn T

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Thanh Q, sinh năm 1951; cư trú tại: Tổ 14, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn K, sinh năm 1930; cư trú tại: Tổ 14, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Hoàng Thọ H, sinh năm 1978; cư trú tại: Tổ 10, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định (Theo văn bản ủy quyền ngày 20-5-2020).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Các thành viên Từ đường họ Phạm, gồm:

Ông Phạm Văn Th; cư trú tại: Tổ 17, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định;

Ông Phạm Hải Q1; cư trú tại: Tổ 17, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Ông Phạm Văn H; cư trú tại: Tổ 17, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Ông Phạm Văn S; cư trú tại: Tổ 17, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Ông Phạm Văn H1; cư trú tại: Tổ 17, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Ông Phạm Văn H2; cư trú tại: Tổ 17, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Ông Phạm Văn T; địa chỉ: Tổ 14, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Ông Phạm Thanh B; địa chỉ: Tổ 17, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thanh, ông Q, ông Hiến, ông S, ông H1, ông H2, ông T, ông B: Ông Phạm Thanh Q (Theo văn bản ủy quyền ngày 29-2-2020).

2. Bà Nguyễn Thị B1 (vợ ông Q), sinh năm 1956; cư trú tại: Tổ 14, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B1: Ông Phạm Thanh Q (Theo văn bản ủy quyền ngày 29-5-2020).

3. Bà Vũ Thị B (vợ ông K), sinh năm 1953; cư trú tại: Tổ 14, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Anh Hoàng Thọ H (Theo văn bản ủy quyền ngày 02-6-2020).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Phạm Thị B; cư trú tại: Tổ 14, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định;

2. Bà Phạm Thị Nguyệt; cư trú tại: Tổ 14, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định;

3. Ông Lê Quý Dương; cư trú tại: Tổ 14, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định;

4. Chị Bùi Thị Hương; cư trú tại: Tổ 14, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định;

5. Ông Nguyễn Văn Tân; cư trú tại: Tổ 14, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Thanh Q là nguyên đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa: Có mặt ông Q, ông K, anh H, vắng mặt bà B, bà Ng, ông Dương, chị H, ông T (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11-3-2020 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh Q trình bày: Từ năm 1980 đến nay vợ chồng ông được sử dụng 1030 m² đất tại tổ 14, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định do tổ tiên để lại. Vợ chồng ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) vào ngày 19-5-1992 mang tên hộ bà Phạm Thị Quang (vợ ông) với diện tích 1030 m² tại thửa số 378, tờ bản đồ số 05, trong đó đất ở 250 m², đất ao 780 m² và 105 m² đất từ đường

tại thửa số 377, tờ bản đồ số 05 cũng đứng tên vợ ông do ông là trưởng họ. Đất họ Phạm giáp với đất của gia đình ông và Từ đường được xây dựng vào năm 1930.

Năm 1990 vợ chồng ông tự làm ngôi nhà nhỏ giáp phía Bắc đất Từ đường họ Phạm, năm 1992 vợ chồng ông xây dựng nhà cấp 4 để ở cho đến nay.

Sau khi ông nghỉ hưu, cuối năm 1992, ông đã làm lại GCNQSDĐ và ngày 09-4-2003 ông đã được cấp GCNQSDĐ số S 357929 đứng tên hộ ông Phạm Thanh Q. Năm 2002 ông và gia đình ông K có xảy ra tranh chấp về ranh giới đất phía Tây nhà ông với nhà ông K, tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 08 ngày 03-10-2002 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường đã công nhận sự thỏa thuận của ông và ông K về mốc giới và ranh giới hai thửa đất như sau:

Phía Đông Nam giáp ranh giữa thổ cư của ông Phạm Thanh Q với thổ cư của bà Lê Thị Khắc (tại cột công của ông Q) kéo về phía Tây đến sân ông Lê Văn K cách chân tường của ông Nguyễn Văn Truyền 0,15 m, có số đo là 17,5 m làm điểm chuẩn I.

Lấy mốc giữa ao ông Q với ao bà Lê Thị Giang ở phía Bắc thổ ông Q làm chuẩn kéo về góc ao ông K có số đo 21 m làm điểm chuẩn II.

Nối điểm chuẩn I và II thành đường thẳng có số đo 30 m là ranh giới giữa đất ông Q và đất ông K (các bên đã nhận mốc và đóng cọc làm chuẩn).

Khi cắm mốc giới cho các gia đình có cả cán bộ địa chính thị trấn, cơ quan Thi hành án huyện, đại diện tổ 14, tuy nhiên lúc đó không xác định ngõ đi của nhà ông, vì không có tranh chấp về ngõ đi. Như vậy, căn cứ thực tế và thỏa thuận trên thì nhà ông K không có ngõ đi, mà ngõ đi nhà ông K do nhà ông cho mượn.

Về nguồn gốc đất của hộ ông K: Bố ông là Phạm Văn Hứa có 01 sào đất giáp với thổ đất tổ tiên để lại cho vợ chồng ông. Trước năm 1980 bố ông đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông K, sau khi mua đất của bố ông thì ông K đi nhờ theo lối Bắc Từ đường ra ngõ đi chung qua đất của Từ đường và đất của nhà ông, vì đất vườn ông Hứa bán cho ông K không có lối đi.

Cuối năm 1990 ông xây bể nước phía Bắc Từ đường, nên ông chuyển cho ông K đi nhờ đất phía Nam của Từ đường và qua đất nhà ông để ra ngõ đi chung, hai bên cũng chỉ nói miệng với nhau chứ không có văn bản giấy tờ gì, không có người làm chứng về việc ông cho ông K mượn đất làm lối đi, hộ ông K đã đi ngõ này từ cuối năm 1990 đến nay. Khi ông Hứa chuyển nhượng đất cho ông K thì phần đất này là đất của Từ đường và vẫn để trống, trước đây có đậu trúc của gia đình cụ Tụng trồng vươn trùm ra phần đất này.

Về khoảng cách tính từ góc của hậu cung phía Tây Nam từ đường cách ranh giới đất của ông K khoảng 1.8 đến 1.9 m, phía Tây Bắc của hậu cung Từ đường cách ranh giới đất của ông K khoảng 1.7 đến 1.8 m.

Khoảng năm 2000 hoặc năm 2001 gia đình ông K mua đất vườn của hộ bà Nghiễm tiếp giáp với phần đất ngõ mà ông cho hộ ông K mượn trước đây, khi ông K mua đất của bà Nghiễm, gia đình ông không ký giáp ranh.

Phía Nam Từ đường ông có xây tường hoa vào năm 1991. Tường hoa cao khoảng 1.4 m, dài 8 m, phần xây trên đất của ông dài khoảng 1 m, phần xây trên đất của Từ đường dài khoảng 7 m.

Khoảng cách từ tường hoa này đến đất của hộ bà Nghiễm chia làm hai đoạn, phía Đông của tường hoa đến đất của bà Nghiễm trước khi chuyển nhượng cho hộ ông K rộng khoảng 1.3 m đến 1.4 m, phía Tây tường hoa đến đất bà Nghiễm rộng khoảng 1.5 đến 1.6 m

Ngôi từ đường họ Phạm xuống cấp, hư hỏng nên năm 2019 họ Phạm quyết định xây dựng lại trên vị trí nền cũ, giữ nguyên móng cũ và xây dựng móng mới bao trùm lên móng cũ. Khi giác móng, ông đã phá khoảng 1 m tường hoa thì gia đình ông K ra cản trở, gây gổ. Họ Phạm không muốn để xảy ra va chạm, đã đề nghị Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Xuân Trường giải quyết. UBND thị trấn đã tổ chức 3 lần hòa giải, gia đình ông K tham gia 2 lần, đến lần thứ 3 đang hòa giải thì bỏ ra ngoài, không ký biên bản. Sau đó, ông đã chôn 3 đến 4 cột bê tông ra ngõ để xác định ranh giới đất với đất của ông K. Khi ông chôn cột bê tông, con cháu ông K đã đun đỏ hết. UBND thị trấn Xuân Trường có đến lập biên bản sự việc. Thực hiện theo yêu cầu của UBND thị trấn, họ Phạm đã tạm dừng việc xây dựng Từ đường từ đó đến nay.

Về đất ngõ tranh chấp: Ranh giới đất phía Đông cổng nhà ông K đến mép đất từ đường dài 7 m, tường hoa Từ đường đến đất nhà ông dài 8 m, từ đất ngõ nhà ông tiếp giáp với đất nhà cô Hương dài 2.5 m (trong đó ông làm cổng ngõ vào nhà là 1.65 m).

Đất ngõ tiếp giáp giữa đất nhà ông K, cụ Tụng lấy làm điểm số 1, từ vị trí số 1 này kéo dài thẳng đến ngõ tiếp giáp đất ông Tráng, cô Hương với ngõ đi chung của nhà ông có chiều dài khoảng 17.5 m, trong đó đất ngõ của nhà ông dài 2.5 m còn lại là đất của Từ đường dài 15 m. Diện tích đất ngõ tranh chấp khoảng 25 m². Diện tích 25 m² này đã nằm trong GCNQSDĐ của nhà ông và của Từ đường (trong đó của nhà ông là 1.14 m², của Từ đường là 23.86 m²).

Theo kết quả đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá ngày 26-6-2020 thể hiện: Đất hộ nhà ông là 1025.5 m²; đất Từ đường họ Phạm 31.1 m². Đất hộ ông K nhận chuyển nhượng của bà Nghiễm diện tích nhà và đất phía sau là 58.8 m²; đất ngõ tiếp giáp nhà ông K là 13.5 m², diện tích ranh giới đất ngõ tranh chấp là 20.4 m²;

Theo GCNQSDĐ của Từ đường họ Phạm diện tích 105 m², còn kết quả đo đạc thực tế do ông chỉ mốc là 31.1 m², việc thừa thiếu giữa đất của Từ đường và đất của nhà ông thì ông và Từ đường họ Phạm tự giải quyết. Việc đo đạc có thể có sai số, nay ông chỉ khởi kiện về ranh giới đất gia đình ông và Từ đường họ Phạm với đất ngõ hộ ông K đang đi và có liên quan đến đất ông K nhận chuyển nhượng của bà Nghiễm.

Nay quan điểm của ông: Đất ngõ hộ ông K mượn của gia đình ông và Từ đường họ Phạm cho làm lối đi được chia làm 02 phần. Phần phía Nam giáp với phần đất của cụ Tụng hiện 02 con cụ Tụng đang ở là ông Tân và ông Truyền thì đã xác

định mốc giới không có tranh chấp gì. Còn phần giáp đất vườn của hộ bà Nghiễm đã bán cho ông K thì ông yêu cầu xác định ranh giới là đường thẳng, phần đất ngô mà từ trước đến nay ông K vẫn đi là đất của gia đình ông và Từ đường. Sau đó, gia đình ông K có mở rộng ngô đi vào đất nhận chuyển nhượng của bà Nghiễm và một phần vào đất của cụ Tung.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Lê Văn K trình bày: Ông Phạm Văn Hứa (bố đẻ ông Q) có một thửa đất do cha ông để lại, diện tích khoảng hơn 1000 m² tại tổ 14, thị trấn X, huyện X, trên đất chỉ có một ngôi miếu, không có nhà cửa gì, ngoài ra còn có đất ao giáp với ruộng. Vợ chồng ông Hứa thì sống tại nhà đất khác.

Ông và ông Hứa là bạn thân thiết của nhau. Năm 1977 ông mua 365 m² đất trong diện tích 1000 m² của ông Hứa với giá 360 đồng để làm nhà ở. Khi nhận chuyển nhượng, ông Hứa và ông thống nhất bằng miệng ngô đi của gia đình ông đi theo phía Bắc của Miếu để ra đường dọc chung của xóm, không ghi thành văn bản, cũng không nói rõ đất ngô đi rộng bao nhiêu, vì thời điểm đó chỉ có một mình gia đình ông ở trong khu đất này.

Năm 1984, ông Hứa xây nhà ngang 03 gian, bể nước, làm tường hoa cho vợ ông Q là bà Bảy ở (ông Q đi công tác xa) ông Hứa và ông thống nhất chuyển ngô đi của gia đình ông về phía Nam của Miếu cho thuận tiện, nhưng cũng chỉ nói miệng với nhau, không nói rõ ngô đi rộng, dài bao nhiêu, không ghi thành văn bản, không có người làm chứng, trước khi gia đình ông chuyển ngô đi như hiện nay, thì phần đất này là đất của ông Hứa sau này là đất của ông Q vẫn để không, trên đất không có công trình xây dựng gì. Khoảng cách đất từ đường phía Tây Nam với đất góc phía Đông Nam nhà ông trước đây rộng 01 m. Khi ông Hứa chuyển nhượng đất cho ông thì chỗ đất này trồng cây trúc, sau này ông phá cây trúc đi để làm ngô.

Năm 1989 tu sửa miếu thành Từ đường họ Phạm và vợ chồng ông Q, bà Bảy là người trông coi quản lý.

Ngày 19-5-1992 ông được cấp GCNQSDĐ số B 010370 diện tích 365 m² (trong đó có 150 m² đất ở, 80 m² đất vườn, 135 m² đất ao).

Khoảng năm 1989-1990 ông Q nghỉ hưu về sinh sống tại nhà mà ông Hứa đã xây cho vợ ông Q. Năm 2002 ông Q tranh chấp với ông về ranh giới đất phía Đông đất hộ ông Q và Từ đường giáp với đất nhà ông, tại Tòa án giữa ông và ông Q đã thỏa thuận được với nhau, ngày 03-10-2002 Tòa án huyện Xuân Trường đã có Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa ông và ông Q, sau đó đã cắm mốc giới cho các gia đình, nhưng không xác định ngô đi của nhà ông vì lúc đó không tranh chấp về ngô đi.

Đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 08 (nêu trên) có ghi phía Đông Nam giáp ranh giữa thổ cư của ông (Phạm Thanh Q) với thổ cư của bà Lê Thị Khắc (tại cột cổng của ông Q) kéo về phía Tây đến sân ông Lê Văn K cách chân tường của ông Nguyễn Văn Truyền 0,15 m, có số đo là 17,5 m làm điểm chuẩn I, lúc đó ông đọc không kỹ. Trong quyết định ghi 0.15 m tức là 15 cm thì hoàn toàn không

phù hợp với thực tế vì như vậy thì nhà ông không có ngõ không thể đi ra ngoài được, từ trước đến nay không có việc ông mượn đất của ông Q hay Từ đường họ Phạm.

Ông xác định ngõ đi của nhà ông vẫn như từ trước đến giờ có từ năm 1984. Cùng thời điểm chuyển ngõ ông có mượn một phần đất của hộ bà Nghiễm để làm ngõ đi cho rộng (việc mượn ngõ cũng chỉ nói miệng với nhau). Năm 2001 vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị Nghiễm 95 m² đất với giá 1,7 chỉ vàng. Đất nhận chuyển nhượng của bà Nghiễm toàn bộ là đất vườn và tiếp giáp với ngõ đi của gia đình ông. Khi nhận chuyển nhượng hai bên có viết giấy tay với nhau và làm thủ tục tại UBND thị trấn Xuân Trường, cán bộ địa chính có mời ông Q, ông Hứa, bà Tụng, bà Khắc và những người này đã ký vào biên bản nhận mốc giới.

Cuối năm 2002, đầu năm 2003, ông có xây một nhà cấp 4 khoảng 55 m² (trên đất nhận chuyển nhượng của bà Nghiễm) để làm kho, có tường bao để ngăn với ngõ đi. Đến nay đất ông nhận chuyển nhượng của hộ bà Nghiễm chưa được cấp GCNQSDĐ đứng tên ông mà chỉ ghi việc chuyển nhượng trong GCNQSDĐ của ông và của hộ bà Nghiễm vào ngày 02-10-2001.

Khi ông nhận chuyển nhượng đất của bà Nghiễm, ông đã cắt ra 12 m² để làm ngõ đi cho rộng, hiện nay ngõ đi rộng khoảng 20.4 m².

Giữa đất ngõ với đất từ đường và đất nhà ông Q có 01 tường hoa do ông Hứa xây từ năm 1983. Khoảng cách từ tường hoa đến đất của hộ bà Nghiễm, trước khi chuyển nhượng cho ông là 50 cm.

Nay quan điểm của ông: Ngõ đi của nhà ông chia làm hai đoạn, đoạn giáp ngõ nhà ông và nhà cụ Tụng (hiện con cụ Tụng là ông Truyền và ông Tân đang ở) và giáp đất ông nhận chuyển nhượng của hộ bà Nghiễm không có tranh chấp gì, ông Q đang tranh chấp phần ngõ đi của ông với đất ông nhận chuyển nhượng của hộ bà Nghiễm để đi ra đường dong xóm. Ông xác định ngõ đi của nhà ông vẫn như từ trước đến giờ có từ năm 1984, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông, diện tích ngõ đi tranh chấp đo đạc thực tế 20.4 m² (trong đó có 2.6 m² cũng là đất của gia đình ông vì phần đất này là do ông Hứa đã đổi đất cho gia đình ông đi ra phía Nam từ đường cho thuận tiện từ năm 1984 chứ 2.6 m² đất này không phải là đất của Từ đường) vì nhà ông mua đất làm nhà thì phải có lối đi.

Anh Hoàng Thọ H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (ông K) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà B) nhất trí như ý kiến ông Lê Văn K đã trình bày.

Ông Lê Quý Dương là người làm chứng trình bày: Ông và gia đình ông Q là hàng xóm, còn ông và gia đình ông K có quan hệ họ hàng. Khoảng cuối năm 2019 giữa gia đình ông Q và ông K có xảy ra tranh chấp về ngõ đi. Ông có nghe ông Q nói ngõ mà gia đình ông K đang đi là đất của tổ đường, còn ông K bảo đất ngõ mà gia đình ông K đang sử dụng là có từ lâu rồi.

Trước đây ngõ từ ngoài đường to đi vào các gia đình bên trong đồ xi. Năm 2012 mẹ ông là Lê Thị Khắc, gia đình ông Q, gia đình ông K, gia đình Tráng, gia đình chị Hương thống nhất đồ ngõ bê tông đi lại cho thuận lợi. Mỗi một khâu góp

1.500.000đ. Đổ bê tông từ đầu ngõ nhà ông Q ra đến ngoài đường to, còn ngõ đang tranh chấp đồ như thế nào thì ông không lắm được. Mẹ ông có nhượng một phần đất cho ông Phạm Văn Tĩnh là con rể. Sau đó ông Tĩnh nhượng lại cho bố mẹ chị Hương. Vợ chồng chị Hương là người đang trực tiếp sử dụng thửa đất này. Bức tường nhà chị Hương đang sử dụng (phía Nam) giáp với đất phía Bắc của nhà ông Tráng, ông không biết được xây từ năm nào, chỉ biết là xây từ lâu, khi còn nhỏ ông biết ranh giới này là đậu trúc.

Chị Bùi Thị Hương là người làm chứng trình bày: Chị và gia đình ông Q, gia đình ông K là hàng xóm. Thửa đất mà gia đình chị đang sử dụng là của bố mẹ chị là Bùi Công Lý và Phạm Thị Ngát. Năm 2010 bố mẹ chị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Phạm Văn Tĩnh diện tích 213 m², đất này đã được cấp GCNQSDĐ mang tên bố mẹ chị. Sau khi bố mẹ chị nhận chuyển nhượng đã cho chị, nhưng chưa làm thủ tục tặng cho, toàn bộ thửa đất này là vườn chưa có công trình xây dựng gì chỉ có bức tường xây ngăn ranh giới giữa đất bố mẹ chị với đất của ông Tráng (bức tường phía Nam thổ đất nhà bố mẹ chị và phía Bắc đất của nhà ông Tráng). Năm 2011 vợ chồng chị xây nhà, bức tường đó vẫn giữ nguyên hiện trạng, trước đây bức tường đó như thế nào chị không nắm được.

Từ khi vợ chồng chị về sinh sống ở thửa đất này, chị không thấy ông Q và ông K xảy ra tranh chấp về ranh giới ngõ đi mà gần đây ông Q và ông K mới xảy ra tranh chấp. Chị nghe ông Q nói là ngõ mà gia đình ông K đang đi là đất của Từ đường, còn ông K bảo là đất của gia đình ông K đi từ xưa đến nay (mua của bà Nghiễm). Ban đầu ông Q có thiện chí hòa giải với ông K nhưng ông K không thiện chí, ông Q còn mời cả vợ chồng chị tham gia hòa giải, nhưng ông K không nhất trí.

Năm 2012 các gia đình trong ngõ thống nhất đổ ngõ bê tông từ đầu ngõ nhà ông Q ra đến ngoài đường to, mỗi khẩu góp 1.500.000đ, còn đoạn ngõ từ nhà ông K ra đầu ngõ nhà ông Q đến gần cổng nhà chị (ngõ đang tranh chấp) là do ông K bỏ tiền đổ bê tông.

Chị Phạm Thị B trình bày: Chị là con dâu ông Lê Văn K. Từ khi chị kết hôn với anh Cường (con trai ông K) vào ngày 24-8-1991 thì vợ chồng chị sống chung với ông bà Kỷ. Gia đình chị đi ra ngõ trước mặt nhà ông Q và từ đường họ Phạm, ngõ đi này rộng khoảng 1m, từ đầu ngõ nhà chị đến cổng ngõ nhà ông Q dài khoảng 15 m. Năm 2001 ông K nhận chuyển nhượng 95 m² đất vườn của bà Nghiễm (trên đất không có nhà cửa gì, đất này giáp với ngõ đi của nhà chị, nhà cụ Tụng, nhà bà Khắc và ngõ đi chung), ông K cắt ra 12 m² để làm ngõ đi cho rộng. Cuối năm 2002, đầu năm 2003, gia đình chị có xây một nhà tạm cấp 4 trên đất nhận chuyển nhượng của bà Nghiễm để làm kho khoảng 55 m², có tường bao để ngăn với ngõ. Khi đo đạc bản đồ năm 2005 đã xác định ranh giới giữa đất của ông K với hộ ông Q và từ đường họ Phạm chính là bức tường mà ông Q đã xây dựng (do căn nhà vợ chồng chị đang sử dụng nên trên bản đồ lúc đó họ ghi tên B). Năm 2012 chính ông Q đứng lên kêu gọi các hộ gia đình làm ngõ đi chung đổ bê tông. Ông Q có thống nhất với các hộ là đoạn ngõ từ nhà ông K ra đến nhà ông Q và phần đất ngõ ông K đã mua của hộ bà Nghiễm thì gia đình ông K phải bỏ toàn bộ tiền, còn các hộ nhà ông Q, nhà chị và ông K, nhà chị Hương, hộ bà Khắc (nay là anh Dương) phải đóng tiền đoạn từ đất nhà chị nhận chuyển nhượng của hộ bà Nghiễm ra ngoài đường cái thì chịu chung,

mỗi khẩu là 1.500.000 đồng, gia đình chị gồm ông bà Kỷ, hai vợ chồng chị cùng hai con của chị đã đóng 09 triệu đồng cho ông Q; Ngõ bê tông từ nhà ông K ra đến ngõ đi chung (ngõ tranh chấp) toàn bộ tiền do ông K bỏ ra, còn bỏ ra bao nhiêu thì chị không biết.

Chị Phạm Thị Nguyệt trình bày: Chị không có quan hệ họ hàng gì với ông Q và ông K. Bố chồng chị là Phạm Văn Nghiễm, chết ngày 09-6-1991 âm lịch; mẹ chồng chị là Vũ Thị Nga (tên thường gọi là Nghiễm) chết ngày 29-6-2018 âm lịch. Bố mẹ chồng chị có hai người con là Phạm Thị Nguyệt đã vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống 20 năm nay, địa chỉ cụ thể của chị Nguyệt như thế nào chị không biết.

Chị và anh Đông kết hôn ngày 26-6-1989, sau khi kết hôn vợ chồng chị ở cùng với bố mẹ chồng. Ngoài nhà đất đang ở thì bố mẹ chồng chị còn có một thửa đất vườn tại tờ bản đồ số 05, số thửa 376 với diện tích 95 m² tại tổ 14, thị trấn Xuân Trường, trên đất không có nhà cửa gì. Đất vườn này giáp với đất của nhà ông K, nhà ông Q, nhà cụ Tụng và ngõ đi chung.

Theo phong tục tập quán ở quê thì đất của bố mẹ chỉ để lại cho con trai được hưởng. Vợ chồng chị được bố mẹ chồng cho canh tác trên đất vườn đó từ năm 1990, vợ chồng chị trồng khoai nước và cây điền thanh. Khi vợ chồng chị đến trồng cây trên đất vườn thì chị thấy nhà ông Q xây tường hoa bao quanh đất của nhà ông Q rồi (đến bây giờ thì chị biết không phải là một mảnh đất của nhà ông Q mà bao gồm cả đất từ đường họ Phạm). Khi vợ chồng chị canh tác đất vườn của bố mẹ chồng, chị thấy gia đình ông K đi ngõ theo lối sát tường hoa nhà ông Q và giáp với đất vườn của bố mẹ chị và đất của cụ Tụng, ngõ đi của nhà ông K rất nhỏ khoảng 30-40 cm. Ranh giới đất giữa đất vườn của bố mẹ chồng chị với nhà ông Q được xác định là bức tường hiện trạng mà hộ ông Q đang sử dụng,

Khi bố chồng chị còn sống, khoảng năm 1990 ông K có xuống đặt vấn đề với bố mẹ chồng chị, bố mẹ chị có đất chỉ để trồng cây, còn nhà ông K ngõ đi rất hẹp không dắt được xe đạp nên ông K xin bố mẹ chị cho mượn một phần đất để ngõ đi rộng ra, bố mẹ chị nể ông K nên đồng ý cho ông K mượn đất, bố mẹ chị cũng không nói cụ thể cho mượn diện tích đất bao nhiêu mà hai bên chỉ nói miệng với nhau như vậy, không làm văn bản giấy tờ gì. Sau đó ông K về lấy ít gạch vờ cạp vào bên cạnh đất vườn trồng khoai nước của nhà chị để mở rộng ngõ đi.

Năm 2001 mẹ chị đã chuyển nhượng lại thửa đất vườn 95 m² cho ông K, hai bên có đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển nhượng, hiện chị có giữ GCNQSDĐ của mẹ chồng chị là Phạm Thị Nghiễm (bản phô tô), mặt sau của tờ giấy có ghi ngày 02-10-2001 UBND huyện đồng ý cho phép hộ bà Phạm Thị Nghiễm được CNQSD (95m²) đất vườn tại thửa số 376 tờ bản đồ số 05 xã Xuân Hùng cho hộ ông Lê Văn K sử dụng.

Năm 2002 ông Q đã kiện ông K ra Tòa án huyện Xuân Trường về việc tranh chấp ranh giới đất, thời điểm đó chị đã chở bà Nghiễm lên Tòa án làm việc, sau đó ông Q và ông K đã thỏa thuận được với nhau. Chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Anh Nguyễn Văn Tân trình bày: Anh và gia đình ông Q, gia đình ông K là quan hệ hàng xóm với nhau, không có quan hệ họ hàng.

Bố anh là Nguyễn Văn Tụng, mẹ là Lê Thị Quýt, bố mẹ anh đều đã mất. Thừa đất mà gia đình anh đang sử dụng là của bố mẹ anh để lại. Mặc dù anh chưa được cấp GCNQSDĐ nhưng anh em trong gia đình đã thống nhất phân chia cụ thể, không có tranh chấp, phần đất của anh đã xây nhà và các công trình trên đất.

Đất phía góc Đông Bắc thổ đất nhà anh giáp với góc Đông Nam thổ đất nhà ông K hiện trạng như bây giờ mà ông K đã xây cổng và lối đi ra ngõ nhà ông K trước đây là bụi tre trúc của bố anh trồng, bụi tre trúc này có từ lâu, có trước khi gia đình ông K mua thửa đất đang sử dụng. Do gia đình ông K ngõ đi lại chật hẹp, thời gian anh không nhớ anh Cường là con trai của ông K (ở cùng với ông K) có hỏi anh phá bụi trúc này đi, một mặt để khỏi bị sâu, hai là để ngõ đi cho gia đình ông K được thuận lợi. Anh đã đồng ý để cho gia đình ông K phá bụi trúc và đi nhờ một phần đất nhà anh, đất vuông hình thước thợ nhưng không nhiều. Ngày 26-6-2020, khi Tòa án xem xét thẩm định ngõ tranh chấp giữa nhà ông Q với ông K, anh và gia đình ông K, ông Q đã nhận mốc giới rõ ràng, ông K đã thừa nhận là mượn phần đất hiện trạng là góc tam giác của nhà anh, theo kết quả đo đạc là 1m^2 , quan điểm anh vẫn để cho gia đình ông K sử dụng để đi lại cho thuận lợi, còn sau này khi Nhà nước cấp GCNQSDĐ cho gia đình anh thì phần góc Đông Bắc thổ đất vuông hình thước thợ là của nhà anh. Anh đề nghị Tòa án khi xem xét đất ngõ tranh chấp giữa nhà ông K và ông Q không điều chỉnh chỗ phần này và tách đúng như anh và ông K đã nhận.

Ủy ban nhân dân thị trấn Xuân Trường cung cấp:

Về đất của hộ ông Q: Nguồn gốc đất do tổ tiên để lại; Bản đồ năm 1987 thửa 289 tờ bản đồ số 4b, diện tích 1010 m^2 , trong đó thổ cư 360 m^2 , ao 400 m^2 , vườn 250 m^2 , mang tên chủ sử dụng là ông Lung. Bản đồ lập năm 1991 thửa đất số 378 thuộc tờ bản đồ số 5, diện tích 1030 m^2 . Hộ ông Q được cấp GCNQSDĐ đứng tên hộ bà Phạm Thị Quang diện tích 1030 m^2 và 105 m^2 đất từ đường và được cấp lại GCNQSDĐ số S 357929 vào ngày 09-4-2003 đứng tên hộ ông Phạm Thanh Q được sử dụng 1030 m^2 trong đó 250 m^2 đất ở lâu dài, 780 m^2 đất ao tại tờ bản đồ số 05, số thửa 378 và tại thửa số 377, tờ bản đồ số 05 diện tích 105 m^2 đất ở lâu dài (đây là đất của từ đường họ Phạm).

Về đất của Từ đường họ Phạm: Bản đồ lập năm 1987 thuộc tờ bản đồ số 4b, thửa đất số 289 trước đây chủ sử dụng là cụ Lung. Diện tích 1010 m^2 gồm đất ở 360 m^2 , đất ao 400 m^2 , đất vườn 250 m^2 . Bản đồ lập năm 1991 Từ đường họ Phạm thuộc tờ bản đồ số 05 thửa đất số 377 diện tích 105 m^2 ; Bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2005 đất từ đường họ Phạm thuộc tờ số 29, thửa đất số 50 diện tích xây dựng 31.1 m^2 . Bản đồ lập năm 2005 đất hộ ông Q + Từ đường họ Phạm thuộc tờ bản đồ số 29 thửa đất số 49 + 50 diện tích $1054.2\text{ m}^2 + 31.1\text{ m}^2$.

Về đất của hộ ông K: Nguồn gốc là nhận chuyển nhượng từ ông Hứa, còn phần đất ngõ các bên đang tranh chấp hiện nay thì phía trong từ ngõ nhà ông K đi ra ngoài đến ngõ nhà ông Q, giáp ngõ chị Hương (đất ngõ một bên giáp với đất ông K nhận chuyển nhượng của hộ bà Nghiễm một bên là đất của hộ ông Q và Từ đường. Bản đồ năm 1987 thửa 293 bản đồ số 4b, diện tích 450m^2 . Bản đồ năm 1991 thửa

đất số 366 bản đồ số 05 diện tích 365 m². Hộ ông K được cấp GCNQSDĐ số B 010370 ngày 19-5-1992, trong đó có 150 m² đất ở, 80 m² đất vườn, 135 m² đất ao. Đến Bản đồ năm 2005 đất hộ ông K, thửa đất số 51 thuộc tờ bản đồ số 29, diện tích 390.4 m²;

Năm 2001 ông K nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị Nghiễm 95 m² đất tại tổ 14, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định hiện nay ông K chưa được cấp GCNQSDĐ vì đất đang tranh chấp, tuy nhiên việc chuyển nhượng này đã được thể hiện trong GCNQSDĐ của hộ ông K và hộ bà Nghiễm vào ngày 02-10-2001;

Việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Q, Từ đường họ Phạm cũng như hộ ông K, bà Nghiễm là cấp đại trà làm điểm. GCNQSDĐ của các hộ không thể hiện kích thước hình thể. Diện tích đất của các hộ qua các thời kỳ không thống nhất, có thể do sai số khi đo đạc.

Quá trình giải quyết tranh chấp tại UBND thị trấn: Khi ông Hứa bán đất cho ông K, ông Q đang ở bộ đội. Trước đây giữa hai gia đình không có mâu thuẫn gì, chỉ sau khi hộ ông K nhận chuyển nhượng đất của hộ bà Nghiễm thì mới phát sinh tranh chấp, ông Q đã khởi kiện ông K ra Tòa án về đất ranh giới. Ngày 03-10-2002 Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường đã có quyết định số 08 công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, đến năm 2019 khi Từ đường họ Phạm xây dựng thì xảy ra tranh chấp giữa hộ ông Q, Từ đường họ Phạm với hộ ông K; UBND thị trấn đã tiến hành hòa giải 3 lần nhưng không thành. Sau đó hộ ông Q có chôn 5 cột bê tông giữa ngõ, còn chèn các cột bê tông vít ngõ để không cho nhà ông K ra ngoài, UBND thị trấn đã phải cử Công an xuống làm việc. Quan điểm địa phương đề nghị giữ nguyên hiện trạng ngõ đi như hiện nay vì đất phải có ngõ đi, ngõ đi hình thành đến nay đã mấy chục năm, chính ông Q đã xây tường ngăn cách đất nhà mình với ngõ, đã đứng ra tổ chức đổ bê tông ngõ đi chung đã phân bổ ông K phải tự bỏ tiền đổ bê tông phần ngõ tranh chấp. Quyết định công nhận thỏa thuận số 08 của Tòa Xuân Trường không phù hợp thực tế vì nếu nhận mốc giới như biên bản đó không những nhà ông K không có lối ra mà hộ nhà chị Hương cũng không có lối vào.

Giá đất tranh chấp: 3.500.000 đồng/m²

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường đã quyết định:

Căn cứ các Điều 175, 176, 254, 357, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 95; khoản 5, 7 Điều 166; Điều 170 Luật Đất đai năm 2013; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh Q đối với ông Lê Văn K cụ thể:

Xác định hộ ông Lê Văn K có mượn đất của các thành viên Từ đường họ Phạm diện tích 2.6 m² tại tổ 14, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định. Hộ ông Lê Văn K được quyền sử dụng diện tích đất 2.6 m² của các thành viên Từ đường để làm lối đi ra ngoài đường công cộng. Buộc ông Lê Văn K phải thanh toán cho các thành viên

Từ đường họ Phạm giá trị phần diện tích đất 2.6 m² là 9.100.000 đồng (Chín triệu một trăm ngàn đồng);

Các thành viên Từ đường họ Phạm được nhận từ ông Lê Văn K số tiền là 9.100.000đ (Chín triệu một trăm ngàn đồng);

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 49 + 50, tờ bản đồ số 29 của ông Phạm Thanh Q, Từ đường họ Phạm và thửa số 71 (đất hộ ông Lê Văn K nhận chuyển nhượng của hộ bà Nghiễm) cùng ở tổ 14, thị trấn X, huyện X, tỉnh Nam Định theo hiện trạng là mép ngoài bức tường hoa mà hộ ông Q đang sử dụng cũng như ông Lê Văn K đã nhận ranh giới, mốc giới với ông Phạm Thanh Q được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định theo sơ đồ đo đạc lập ngày 26-6-2020; cụ thể ông Q sử dụng diện tích đất 1025.5m², đất từ đường họ Phạm 31.1 m² (ông Q và từ đường họ Phạm tự điều chỉnh với nhau về diện tích đất), đất ông K nhận chuyển nhượng của hộ bà Nghiễm 58.8 m² + 13.5 m² + 17.8 m² = 90,1m² và 2,6 m² đất từ các thành viên Từ đường họ Phạm; tổng diện tích 92.7 m².

Ngày 24-8-2020 ông Phạm Thanh Q là nguyên đơn trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm vì không đúng nội dung khởi kiện của nguyên đơn, áp đặt ý thức chủ quan của Thẩm phán, không căn cứ tài liệu về địa chính, đề nghị xem xét lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên toà phúc thẩm các đương sự lập biên bản thỏa thuận có nội dung như sau: Gia đình ông Lê Văn K tự nguyện đền bù đối với diện tích đất ngõ đi cho ông Phạm Thanh Q và Từ đường họ Phạm, tổng cộng 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Ông Phạm Thanh Q đã nhận đủ vào ngày 20-01-2021. Các đương sự thống nhất giữ nguyên phần nội dung quyết định của Bản án sơ thẩm về ranh giới như sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm đã đo vẽ ngõ đi và ranh giới giữa 02 thửa đất cũng chính là hiện trạng đang sử dụng đất của các gia đình hiện nay. Ông Phạm Thanh Q và các thành viên Từ đường họ Phạm sẽ tự giải quyết với nhau về quyền lợi. Ông Phạm Thanh Q và các thành viên Từ đường họ Phạm cam kết chịu trách nhiệm ký kết các thủ tục để gia đình ông Lê Văn K được cấp GCNQSDĐ ngõ đi hợp pháp. Hai bên cùng cam kết chấm dứt mọi việc tranh chấp đối với đất ngõ đi nêu trên cũng như sẽ không tranh chấp về đất đai có liên quan đến các thửa đất hai bên hiện đang sử dụng. Từ đường họ Phạm tự nguyện nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Các đương sự đã thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Tại cấp phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và do các đương sự thỏa thuận tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo vẫn phải nộp toàn bộ án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Gia đình ông Lê Văn K tự nguyện đền bù đối với diện tích đất ngõ đi cho hộ ông Phạm Thanh Q và các thành viên Từ đường họ Phạm tổng cộng 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Ông Phạm Thanh Q đã nhận đủ vào ngày 20-01-2021. Các đương sự thống nhất giữ nguyên phần nội dung quyết định của Bản án sơ thẩm về ranh giới như sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm đã đo vẽ ngõ đi và ranh giới giữa các thửa đất cũng chính là hiện trạng đang sử dụng đất của các gia đình hiện nay. Ông Phạm Thanh Q và các thành viên Từ đường họ Phạm sẽ tự giải quyết với nhau về quyền lợi. Ông Phạm Thanh Q và các thành viên Từ đường họ Phạm cam kết chịu trách nhiệm ký kết các thủ tục để gia đình ông Lê Văn K được cấp GCNQSDĐ ngõ đi hợp pháp. Hai bên cùng cam kết chấm dứt mọi việc tranh chấp đối với đất ngõ đi (nêu trên) cũng như không tranh chấp về đất đai có liên quan đến các thửa đất hai bên đương sự hiện đang sử dụng.

Về án phí: Các thành viên của Từ đường họ Phạm do ông Phạm Thanh Q là đại diện phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Q đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001732 ngày 06-5-2020 (Các thành viên của Từ đường họ Phạm đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Thanh Q phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Q đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001804 ngày 24-8-2020 (Ông Q đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

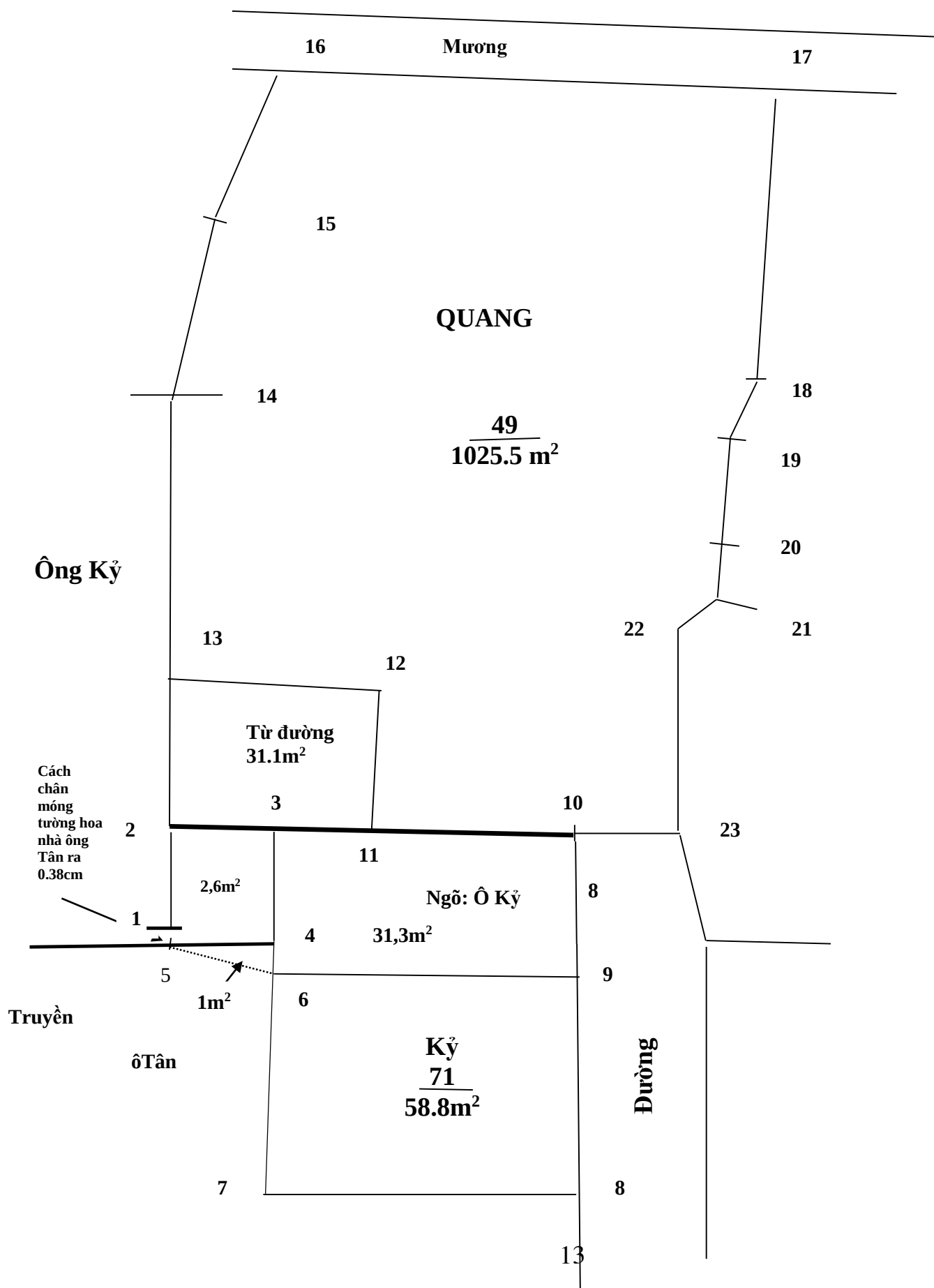
Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND+TAND h Xuân Trường;
- Chi cục THA huyện Xuân Trường;
- UBND thị trấn Xuân Trường;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bạch Tuyết

SƠ ĐỒ RANH GIỚI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
CỦA HỘ ÔNG PHẠM THANH Q, TỪ ĐƯỜNG HỘ PHẠM VÀ HỘ ÔNG LÊ VĂN K
(Kèm theo bản án dân sự phúc thẩm số 06/2021/DS -PT ngày 20-01-2021
của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định)



Ghi chú: Lấy điểm số 1 cách chân móng tường hoa nhà ông Tân phía Bắc thổ đất ra 38 cm giáp với góc Đông Nam cạnh trụ cổng thổ đất của nhà ông K hiện trạng làm điểm chuẩn.

Từ điểm số 2 đến điểm số 10 đường nét đậm là ranh giới đất của hộ ông Lê Văn K với từ đường Họ Phạm, hộ ông Phạm Thanh Q.

GHI CHÚ							
Cạnh	Chiều dài (m)	Cạnh	Chiều dài (m)	Cạnh	Chiều dài (m)	Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	1.25	2 - 3	2.1	3 - 4	1.35	4 - 5	1.87
4 - 6	0.96	6 - 7	4.53	7 - 8	13.08	8 - 9	4.37
6 - 9	13,30	9 - 10	2.48	10 - 11	8.42	3 - 11	4.9
11- 12	4.2	12 - 13	7.8	2 - 13	4.5	13 - 14	25.67
14 - 15	10.88	15 - 16	12.92	16 - 17	20.24	17 - 18	20.37
18 - 19	1.97	19 - 20	11.85	20 - 21	2.97	21 - 22	1.50
22 - 23	18.18	10 - 23	2.08	5 - 6	1.95		

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND + VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND thị trấn Xuân Trường;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bạch Tuyết